

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2017

(V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Khắc Tuấn.

2. Bà Ung Thị Hiệp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ông Lê Văn H – sinh năm: 1975

Trú tại: thôn T, xã N, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

* **Bi đơn**: Bà Nguyễn Thị A – sinh năm: 1975

Trú tại: Khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông H, vắng mặt bà A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Lê Văn H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố T. Hai người chung sống được 07 năm đã xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, gây gổ, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Đã nhiều lần hai người hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến năm 2011, ông và bà A đã chính thức không sống chung cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà A.

Về con chung: ông và bà A có 01 con là Lê Ngọc Gia Nguyên, sinh ngày 10/11/2005. Ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà A cấp dưỡng cho con.

Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn được ở với ba, do cháu tự quyết định không có ai ép buộc.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, bà Nguyễn Thị A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bà A là đúng quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Thị A cư trú tại khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Bà Nguyễn Thị A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà A không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, bà A đã tự khước từ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà A.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà A là hợp pháp, ông bà đã được Ủy ban nhân dân xã N, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2008 ngày 07/10/2008. Ông H cho rằng, trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế và ông bà đã không còn sống chung 6 năm. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà A đến Tòa hòa giải nhưng bà A không đến, chứng tỏ bà A không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

Xét yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con Lê Ngọc Gia Nguyên của ông H là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyên nên giao cháu Nguyên cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của ông H được chấp nhận.

Ông H khai, ông có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu bà A cấp dưỡng cho con nên hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Ông H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/**Áp dụng:** Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn H, ông H được ly hôn bà Nguyễn Thị A.

Về con chung: Ông Lê Văn H được tiếp tục nuôi con Lê Ngọc Gia Nguyên (giới tính nữ), sinh ngày 10/11/2005. Ông H không yêu cầu bà A cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, ông H và bà A vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Về án phí: Ông Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 19/4/2017 ông H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0012459 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thu nay được chuyển sang án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP T;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Thi hành án dân sự TP T;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Phạm Phong Lan